

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 3 năm 2025

Signature Not Verified

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
Ký ngày: 31/3/2025 15:50:30



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7an Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên
Ông La Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lẹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 02/10/2024)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu tại Thuyết minh số 7.2 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 163/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 29/3/2025, từ trang 05 đến trang 51, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.646.286.558.124	1.443.258.436.275
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	189.258.492.532	129.667.196.220
1. Tiền	111		108.258.492.532	58.567.196.220
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.000.000.000	71.100.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	16.151.205.994	9.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.151.205.994	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		899.927.410.921	761.052.026.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	707.515.475.503	551.855.411.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	81.007.023.245	110.479.959.728
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	113.438.019.766	100.655.989.217
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.9	(2.033.107.593)	(1.939.333.302)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	442.016.202.145	456.603.648.316
1. Hàng tồn kho	141		443.351.420.184	456.831.584.977
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.335.218.039)	(227.936.661)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		98.933.246.532	86.935.564.769
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	10.435.232.071	10.953.109.367
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		86.618.539.200	70.232.476.102
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	1.879.475.261	5.749.979.300
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		448.635.191.160	428.505.512.110
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.291.265.469	27.348.275.128
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	27.291.265.469	27.348.275.128
II. Tài sản cố định	220		180.245.464.931	151.379.016.360
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	174.311.256.365	142.437.689.646
- Nguyên giá	222		780.837.067.150	738.072.805.898
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(606.525.810.785)	(595.635.116.252)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	5.934.208.566	8.941.326.714
- Nguyên giá	228		42.766.818.863	42.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.832.610.297)	(33.825.492.149)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.541.477.414	21.376.922.573
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	4.541.477.414	21.376.922.573
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	195.716.895.555	196.716.895.555
1. Đầu tư vào Công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		96.466.920.657	96.466.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.256.863.385	32.256.863.385
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.992.157.007)	(45.992.157.007)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.840.087.791	31.684.402.494
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	40.840.087.791	31.684.402.494
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.094.921.749.284	1.871.763.948.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.690.852.858.287	1.481.208.427.455
I. Nợ ngắn hạn	310		1.631.319.307.305	1.430.989.787.714
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	176.044.814.043	192.212.898.337
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	33.016.896.452	15.566.830.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.690.992.100	5.523.453.084
4. Phải trả người lao động	314		75.467.467.475	73.342.693.014
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	49.746.954.756	40.384.857.888
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.462.684.176	23.964.660.261
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	10.192.537.560	18.040.097.013
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.256.211.469.895	1.040.791.631.950
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		23.485.490.848	21.162.665.725
II. Nợ dài hạn	330		59.533.550.982	50.218.639.741
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	25.569.273.282	26.331.974.514
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	9.994.277.700	10.623.277.700
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	23.970.000.000	13.263.387.527
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		404.068.890.997	390.555.520.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	404.068.890.997	390.555.520.930
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	191.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	191.100.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.642.229.475	43.093.933.885
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		158.426.661.522	156.361.587.045
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		106.419.427.332	105.395.675.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.007.234.190	50.965.911.792
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.094.921.749.284	1.871.763.948.385

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyên

Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.897.955.758.970	2.384.016.471.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	5.190.450.195	7.631.750.114
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	2.892.765.308.775	2.376.384.720.896
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	2.342.420.997.136	1.933.121.478.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		550.344.311.639	443.263.242.564
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	57.933.802.927	60.362.945.865
7. Chi phí tài chính	22	6.6	75.406.278.843	86.483.079.888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		47.436.130.769	46.995.895.429
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	229.426.330.919	169.849.108.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	239.202.493.792	198.140.555.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		64.243.011.012	49.153.444.877
11. Thu nhập khác	31	6.9	8.093.825.698	11.042.872.691
12. Chi phí khác	32	6.9	7.965.100.063	172.339.084
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	128.725.635	10.870.533.607
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		64.371.736.647	60.023.978.484
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	12.364.502.457	9.058.066.692
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		52.007.234.190	50.965.911.792

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền

Nguyễn Ngọc Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.371.736.647	60.023.978.484
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		39.164.587.519	36.053.156.515
- Các khoản dự phòng	03		1.201.055.669	1.607.018.266
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.960.393.457	10.707.518.410
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(21.706.325.623)	(27.770.279.677)
- Chi phí lãi vay	06		47.436.130.769	46.995.895.429
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		133.427.578.438	127.617.287.427
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(142.432.299.596)	(152.334.001)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.480.164.793	93.414.775.220
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(25.642.237.775)	(59.114.626.756)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.637.808.001)	(15.581.802.731)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(48.097.994.074)	(46.728.537.692)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.706.556.612)	(13.941.982.690)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	60.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.851.039.000)	(4.248.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(95.460.191.827)	81.324.028.777
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(52.013.665.759)	(44.753.986.073)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		336.351.124	718.789.812
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.151.205.994)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.000.000.000	7.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.550.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.211.235.242	27.054.325.050
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.617.285.387)	(22.130.871.211)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		8.900.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		2.428.947.725.235	1.895.878.012.994
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.202.821.274.817)	(1.980.970.774.200)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.220.000.000)	(38.382.402.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		196.806.450.418	(123.475.163.706)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		59.728.973.204	(64.282.006.140)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		129.667.196.220	193.935.099.442
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>(137.676.892)</i>	<i>14.102.918</i>
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	189.258.492.532	129.667.196.220

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Ngọc Hiếu

Đặng Minh Tuyền

Nguyễn Ngọc Lân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 26 ngày 26/6/2024 là 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 2.980 người (tại ngày 31/12/2023 là: 3.009 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Cụm Công nghiệp Trung An, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105 đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204 đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Số 68, Đường Nguyễn Khuyến, KP1, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	26,54%	26,54%	26,54%
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	04 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
Công ty Cổ phần May 9	Số 215, Đường Hàng Thao, phường Ngõ Quyền, thành Phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Số 04, Đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90, Đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%	40,98%
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	04 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%
Các đơn vị trực thuộc		Địa chỉ			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		Lô số 1, Khu công nghiệp dệt may Bình An, khu phố Ngã Thẳng, phường Bình Thẳng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		Số 54, Đường Phạm Ngọc Thạch, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		Km3, Quốc lộ 14, phường Lê Lợi, thành phố KonTum, tỉnh KonTum.			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		Số 105 đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		Số 02, Ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		Số 2, ngách 61/4, phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.			
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh		2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB			

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2024.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	03 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong năm, có 1.216.221.268 VND (năm trước: 0 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí gia công, chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí lãi vay phải trả và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu và chiết khấu thanh toán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	11.408.206.663	8.488.466.416
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	96.850.285.869	50.078.729.804
Các khoản tương đương tiền	81.000.000.000	71.100.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>81.000.000.000</i>	<i>71.100.000.000</i>
Tổng	189.258.492.532	129.667.196.220

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,1%/năm đến 4,6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	16.151.205.994	16.151.205.994	9.000.000.000	9.000.000.000
Tổng	16.151.205.994	16.151.205.994	9.000.000.000	9.000.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 5,5%/năm đến 9,5%/năm. Khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng số tiền 2.651.205.994 VND tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô đang được cầm cố, thế chấp để bảo lãnh thực hiện cho hợp đồng kinh tế của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

		Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
STT	Tên Công ty	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào Công ty con			113.985.268.520		(15.300.000.000)	113.985.268.520		(15.300.000.000)
1	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	27.782.000.000	(i)	-	27.782.000.000	(i)	-
2	Công ty Cổ phần May Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000	(i)	-	17.850.000.000	(i)	-
3	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)
4	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	25.500.000.000	(i)	-	25.500.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000	(i)	-	11.535.620.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%	51,00%	10.200.000.000	(i)	-	10.200.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520	(i)	-	5.817.648.520	(i)	-
	Đầu tư vào Công ty liên kết			96.466.920.657		(30.556.694.277)	96.466.920.657		(30.556.694.277)
1	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	26,54%	26,54%	17.250.000.000	(i)	-	17.250.000.000	(i)	-
2	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	15.360.000.000	(i)	-	15.360.000.000	(i)	-
3	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)
4	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)	14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)
5	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)
6	Công ty Cổ phần May An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000	(i)	-	9.180.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần May 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)	5.227.920.657	(i)	(939.094.885)
8	Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	28,58%	28,58%	3.429.000.000	(i)	-	3.429.000.000	(i)	-
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000	(i)	-	5.000.000.000	(i)	-
10	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	(i)	-	1.500.000.000	(i)	-



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
		Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào đơn vị khác			31.256.863.385		(135.462.730)	32.256.863.385		(135.462.730)
1	Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)	7.161.920.000	(i)	(135.462.730)
2	Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (ii)	2,61%	2,61%	5.337.100.000	9.023.647.500	-	5.337.100.000	8.859.082.500	-
4	Công ty Cổ phần Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
5	Công ty Cổ phần Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
6	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	(i)	-	3.480.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè (iii)	0,00%	0,00%	-	(i)	-	1.000.000.000	(i)	-
	Tổng			241.709.052.562		(45.992.157.007)	242.709.052.562		(45.992.157.007)

- (i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2024 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ.
- (iii) Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè theo Quyết định số 29/2024/HĐQT ngày 22/06/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
BMB Clothing Group	35.097.506.252	31.669.081.456
FAM, LLC.	-	52.652.673.024
Arcadia Group Brands Ltd.	4.206.480.004	7.289.297.014
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	32.750.303.316	32.751.585.276
Haggar Clothing Co	75.927.992.714	27.274.703.232
Motives (Far East) Ltd.	61.864.466.325	58.334.961.836
H & M Hennes & Mauritz Shanghai Commercial Co Ltd	-	1.053.269.801
Punto FA,S.L	142.258.466.414	100.562.896.195
Công ty Cổ phần May Gia Lai	7.325.767.909	37.449.474.753
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	301.453.918	481.357.195
Phải thu các đối tượng khác	347.783.038.651	202.336.111.545
Tổng	707.515.475.503	551.855.411.327
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>151.459.873.065</i>	<i>129.571.072.401</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	15.649.233.733	16.592.838.171
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	5.899.802.041	8.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	53.079.126.335	63.340.523.665
Đối tượng khác	6.378.861.136	22.546.597.892
Tổng	81.007.023.245	110.479.959.728
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>81.532.219.787</i>	<i>88.867.458.376</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND) (Trình bày lại)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	113.438.019.766	(295.574.648)	100.655.989.217	(477.057.408)
Phải thu các Công ty con, công ty liên kết	64.444.173.169	-	69.030.437.571	-
Phải thu lãi tiền gửi	-	-	357.557.537	-
Phải thu cổ tức	3.383.618.976	-	2.310.003.086	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	284.954.234	-	2.108.715.618	-
Phải thu tạm ứng	8.933.060.602	-	7.882.216.472	-
Phải thu người lao động (i)	49.902.682	-	1.544.723.458	-
Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn Cầu (ii)	19.180.230.000	-	-	-
Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh (iii)	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Ký quỹ, ký cược	142.357.595	-	181.476.000	-
Phải thu khác	15.499.729.481	(295.574.648)	15.720.866.448	(477.057.408)
Dài hạn	27.291.265.469	-	27.348.275.128	-
Phải thu các Công ty con, Công ty liên kết	25.530.555.553	-	25.530.555.553	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.760.709.916	-	1.817.719.575	-
Tổng	140.729.285.235	(295.574.648)	128.004.264.345	(477.057.408)
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>89.160.172.145</i>	<i>-</i>	<i>94.568.764.497</i>	<i>-</i>

- (i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động.
- (ii) Đây là số tiền uỷ thác theo hợp đồng uỷ thác đầu tư số 01.24/NBC-GAA ngày 25/3/2024 giữa Tổng Công ty (Bên A) và Công ty Cổ phần Phụ liệu May mặc Toàn cầu (Bên B) về việc Bên A uỷ thác cho Bên B sử dụng số tiền uỷ thác đầu tư mở pháp nhân là Công ty May mặc thời trang.
- (iii) Tổng Công ty chi hộ cho Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh về dự án Đức Linh 2.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	6.778.800	-	679.737.662	-
Nguyên liệu, vật liệu	103.181.711.473	-	114.588.212.734	-
Công cụ, dụng cụ	4.852.484.495	-	6.168.549.080	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	212.025.418.466	-	200.889.693.340	-
Thành phẩm	66.934.985.533	(1.335.218.039)	91.816.740.758	(227.936.661)
Hàng hóa	17.849.339.232	-	2.952.199.732	-
Hàng gửi bán	38.500.702.185	-	39.736.451.671	-
Tổng	443.351.420.184	(1.335.218.039)	456.831.584.977	(227.936.661)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	10.435.232.071	10.953.109.367
Chi phí thuê mặt bằng	2.322.104.509	3.228.320.723
Chi phí bảo hiểm	2.384.820.419	2.524.820.038
Chi phí quảng cáo	684.702.524	633.195.831
Chi phí công cụ dụng cụ	605.046.892	340.348.720
Chi phí phụ tùng	-	122.237.972
Chi phí sửa chữa	1.398.484.921	1.151.564.695
Chi phí khác	3.040.072.806	2.952.621.388
Dài hạn	40.840.087.791	31.684.402.494
Chi phí thuê đất (i)	12.001.911.508	13.449.036.513
Chi phí sửa chữa	9.942.606.787	6.046.472.482
Chi phí công cụ dụng cụ	11.382.868.281	3.010.101.398
Chi phí phụ tùng	-	140.747.630
Chi phí tư vấn, đào tạo	999.999.996	4.411.825.000
Chi phí quảng cáo	113.309.647	131.250.000
Chi phí khác	6.399.391.572	4.494.969.471
Tổng	51.275.319.862	42.637.511.861

(i) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp dệt may Bình An, khu phố Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời gian thuê đến tháng 10/2061.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	4.541.477.414	6.557.971.914
Mua sắm phần mềm Centric Software	-	1.464.581.250
Mua sắm máy móc thiết bị	4.541.477.414	5.093.390.664
Sửa chữa tài sản cố định	-	14.818.950.659
Cải tạo, mở rộng nhà xưởng Xí nghiệp May KonTum	-	14.818.950.659
Tổng	4.541.477.414	21.376.922.573

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Nợ xấu

Đối tượng	31/12/2024 (VND)				01/01/2024 (VND)			
	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi	Tuổi nợ	Giá gốc (+)	Dự phòng (-)	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng ngắn hạn								
Công ty TNHH Asia Garment	Trên 03 năm	713.371.775	(713.371.775)	-	Trên 02 năm	713.371.775	(499.360.242)	214.011.533
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	1.024.161.169	(1.024.161.169)	-	Trên 02 năm	1.024.161.169	(962.915.652)	61.245.517
Phải thu khác ngắn hạn								
Các đối tượng khác	Từ 02 đến 03 năm	438.402.224	(295.574.649)	142.827.575	Trên 03 năm	477.057.408	(477.057.408)	-
Tổng		2.175.935.168	(2.033.107.593)	142.827.575		2.214.590.352	(1.939.333.302)	275.257.050

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	250.621.079.725	384.714.472.654	98.104.475.416	4.632.778.103	738.072.805.898
Tăng trong năm	39.470.547.573	18.201.314.194	11.130.147.311	-	68.802.009.078
Mua trong năm	-	17.936.414.194	-	-	17.936.414.194
Cải tạo, mở rộng nhà xưởng Xí nghiệp May KonTum	39.470.547.573	264.900.000	11.130.147.311	-	50.865.594.884
Giảm trong năm	-	(25.937.747.826)	(100.000.000)	-	(26.037.747.826)
Thanh lý nhượng bán	-	(20.590.490.660)	(100.000.000)	-	(20.690.490.660)
Giảm khác (i)	-	(5.347.257.166)	-	-	(5.347.257.166)
Số dư tại ngày 31/12/2024	290.091.627.298	376.978.039.022	109.134.622.727	4.632.778.103	780.837.067.150
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	189.820.845.825	319.044.508.582	82.645.877.153	4.123.884.692	595.635.116.252
Tăng trong năm	8.361.092.308	24.615.786.621	2.957.924.080	222.666.362	36.157.469.371
Khấu hao trong năm	8.361.092.308	24.615.786.621	2.957.924.080	222.666.362	36.157.469.371
Giảm trong năm	-	(25.166.774.838)	(100.000.000)	-	(25.266.774.838)
Thanh lý nhượng bán	-	(19.819.517.672)	(100.000.000)	-	(19.919.517.672)
Giảm khác (i)	-	(5.347.257.166)	-	-	(5.347.257.166)
Số dư tại ngày 31/12/2024	198.181.938.133	318.493.520.365	85.503.801.233	4.346.551.054	606.525.810.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	60.800.233.900	65.669.964.072	15.458.598.263	508.893.411	142.437.689.646
Tại ngày 31/12/2024	91.909.689.165	58.484.518.657	23.630.821.494	286.227.049	174.311.256.365

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,

Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 426.717.385.258 VND (tại ngày 01/01/2024 là 408.479.911.863 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 là 9.498.873.005 VND (tại ngày 01/01/2024 là 23.463.751.025 VND).

(i) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết giá trị theo Quyết định số 40/2023/QĐ-NBC ngày 30/12/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc thanh lý tài sản cố định theo hình thức hủy bỏ và ghi giảm khỏi danh mục tài sản cố định của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2024	4.661.237.086	5.838.965.451	23.325.289.612	33.825.492.149
Tăng trong năm	1.702.742.043	-	1.304.376.105	3.007.118.148
Khấu hao trong năm	1.702.742.043	-	1.304.376.105	3.007.118.148
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	6.363.979.129	5.838.965.451	24.629.665.717	36.832.610.297
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	5.788.031.821	-	3.153.294.893	8.941.326.714
Tại ngày 31/12/2024	4.085.289.778	-	1.848.918.788	5.934.208.566

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 23.098.542.933 VND (tại ngày 01/01/2024 là 18.017.236.106 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Gia Lai	-	-	9.029.407.048	9.029.407.048
Công ty Cổ phần May Tam Quan	17.843.292.304	17.843.292.304	20.148.418.233	20.148.418.233
Motives (Far East) Ltd.	2.793.835.214	2.793.835.214	6.998.430.057	6.998.430.057
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	3.936.453.524	3.936.453.524	8.804.289.268	8.804.289.268
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	8.564.698.109	8.564.698.109	9.070.392.855	9.070.392.855
Các đối tượng khác	142.906.534.892	142.906.534.892	138.161.960.876	138.161.960.876
Tổng	176.044.814.043	176.044.814.043	192.212.898.337	192.212.898.337
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)</i>	<i>53.430.094.811</i>	<i>53.430.094.811</i>	<i>63.738.333.262</i>	<i>63.738.333.262</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	2.665.315.854	7.031.792.401
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Hội sở	23.742.097.920	-
Grosso Moda Netherland B.V	1.436.966.843	1.436.966.843
Newtimes Far East Development (HK) Ltd	-	34.186.400
Các đối tượng khác	5.172.515.835	7.063.884.798
Tổng	33.016.896.452	15.566.830.442

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	5.523.453.084	63.178.689.697	63.011.150.681	5.690.992.100
Thuế giá trị gia tăng	3.677.787.373	17.590.367.896	19.303.596.332	1.964.558.937
Thuế xuất nhập khẩu	-	20.328.424.647	20.292.613.426	35.811.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.364.502.457	10.706.556.612	1.657.945.845
Thuế thu nhập cá nhân	929.729.236	5.106.907.261	4.531.756.820	1.504.879.677
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	302.020.320	1.032.910.559	1.334.930.879	-
Thuế môn bài	-	24.000.000	24.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	613.916.155	6.731.576.877	6.817.696.612	527.796.420
Phải thu	5.749.979.300	4.137.735.138	267.231.099	1.879.475.261
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	267.231.099	267.231.099	1.720.079.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.870.504.039	3.870.504.039	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	-	-	159.395.656

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	11.420.606.007	11.398.907.056
Trích trước chi phí mua nguyên liệu, vật liệu	10.461.278.348	-
Trích trước chi phí gia công	23.056.732.744	21.843.016.865
Chi phí điện, nước, vận chuyển	4.013.154.930	6.986.922.568
Chi phí phải trả khác	795.182.727	156.011.399
Tổng	49.746.954.756	40.384.857.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	1.462.684.176	23.964.660.261
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.462.684.176	23.964.660.261
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	5.618.631.718
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	-	315.055.460
- Các đối tượng khác	1.462.684.176	18.030.973.083
Dài hạn	25.569.273.282	26.331.974.514
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	25.569.273.282	26.331.974.514
- Công ty Cổ phần May Tam Quan	3.121.290.664	3.218.559.076
- Công ty Cổ phần Đầu tư An Phát	5.358.592.447	5.530.007.107
- Công ty TNHH Delta Galil VN	13.127.279.527	13.506.730.639
- Công ty Cổ phần Công Nghệ Wash HNC	3.962.110.644	4.076.677.692
Tổng	27.031.957.458	50.296.634.775
<i>Trong đó, doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)</i>	<i>3.121.290.664</i>	<i>3.218.559.076</i>

5.17 Phải trả khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	10.192.537.560	18.040.097.013
Phải trả lãi vay	-	854.207.051
Kinh phí công đoàn	2.009.972.967	2.733.133.740
Bảo hiểm xã hội	12.321.064	191.303.818
Bảo hiểm y tế	-	1.464.935.590
Bảo hiểm thất nghiệp	-	434.990.182
Phải trả khác	8.170.243.529	12.361.526.632
- Công ty Cổ phần May Gia Lai	3.749.031.871	4.274.858.382
- Phải trả tiền thu hộ Công ty Cổ phần May Cửu Long	-	1.174.114.171
- Phải trả tiền mượn Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	-	626.228.685
- Các đối tượng khác	4.421.211.658	6.286.325.394
Dài hạn	9.994.277.700	10.623.277.700
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.994.277.700	10.623.277.700
Tổng	20.186.815.260	28.663.374.713
<i>Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.3)</i>	<i>3.749.031.871</i>	<i>6.898.884.489</i>

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.256.211.469.895	1.256.211.469.895	2.387.791.585.946	2.172.371.748.001	1.040.791.631.950	1.040.791.631.950
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>1.248.779.469.895</i>	<i>1.248.779.469.895</i>	<i>2.379.896.287.930</i>	<i>2.165.691.194.785</i>	<i>1.034.574.376.750</i>	<i>1.034.574.376.750</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	389.955.057.419	389.955.057.419	754.841.800.042	712.446.842.724	347.560.100.101	347.560.100.101
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	469.766.383.504	469.766.383.504	875.025.673.987	842.336.922.805	437.077.632.322	437.077.632.322
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	151.277.737.859	151.277.737.859	278.404.964.518	175.700.980.283	48.573.753.624	48.573.753.624
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	14.709.655.766	14.709.655.766	25.091.110.603	13.662.622.008	3.281.167.171	3.281.167.171
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (5)	207.882.920.140	207.882.920.140	419.871.456.773	410.070.260.165	198.081.723.532	198.081.723.532
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (6)	15.187.715.207	15.187.715.207	26.661.282.007	11.473.566.800	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>7.432.000.000</i>	<i>7.432.000.000</i>	<i>7.895.298.016</i>	<i>6.680.553.216</i>	<i>6.217.255.200</i>	<i>6.217.255.200</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	51.885.600	4.925.140.800	4.873.255.200	4.873.255.200
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (7)	6.120.000.000	6.120.000.000	6.531.412.416	411.412.416	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (8)	1.312.000.000	1.312.000.000	1.312.000.000	1.344.000.000	1.344.000.000	1.344.000.000
b) Vay dài hạn	23.970.000.000	23.970.000.000	49.051.437.305	38.344.824.832	13.263.387.527	13.263.387.527
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (7)	23.970.000.000	23.970.000.000	49.051.437.305	37.032.824.832	11.951.387.527	11.951.387.527
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (8)	-	-	-	1.312.000.000	1.312.000.000	1.312.000.000
Tổng	1.280.181.469.895	1.280.181.469.895	2.436.843.023.251	2.210.716.572.833	1.054.055.019.477	1.054.055.019.477

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung 0053/2328/N-CTD-SĐ1 ngày 15/5/2024
Hạn mức vay: 464.255.000.000 VND hoặc USD tương đương (trong đó: 450.000.000.000 VND đối với khoản vay ngắn hạn, 14.255.000.000 VND đối với khoản vay trung và 9.255.000.000 VND dài hạn), đã bao gồm cả dư nợ còn lại theo hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019;
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 15/8/2024;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: + Đối với khoản vay ngắn hạn: Vay không có tài sản đảm bảo
+ Đối với khoản vay trung và dài hạn: Thế chấp tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, tỷ lệ bảo đảm 100% số dư cấp bảo lãnh trung dài hạn tại mọi thời điểm;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 389.955.057.419 VND

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 08/7/2024;
Hạn mức vay: 600.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/HĐCVHM/NHCT908-NBC ngày 21/6/2023;
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 08/7/2025;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn như thỏa thuận; Lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 469.766.383.504 VND.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.5155.230524 ngày 30/5/2024;
Hạn mức vay: 195.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, trong đó hạn mức bảo lãnh trong nước: 5.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương), hạn mức tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng: 190.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương);
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 30/5/2024;
Lãi suất vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 151.277.737.859 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 21/8/2024;
Hạn mức vay: 10.000.000 USD hoặc VND tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng HĐTDHM;
Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ ngày thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/ năm (đối với đồng tiền cho vay là VND) và 5%/ năm (đối với đồng tiền cho vay là USD)
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 14.709.655.766 VND

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2:

Số hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số 212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024;
Hạn mức vay: Hạn mức cho vay là 300.000.000.000 VND gồm hạn mức bảo lãnh thanh toán là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là 20.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 15/5/2025;
Lãi suất vay: Lãi suất. trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm;
Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng;
Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 207.882.920.140 VND.

(6) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 2484787.24 ngày 06/03/2024;
Hạn mức vay: 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, được xác định thời điểm giải ngân và sẽ được thông báo cụ thể trên từng đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Biện pháp đảm bảo: Theo danh mục tài sản đảm bảo tại hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 15.187.715.207 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 - TCT NBC_KONTUM;

Hạn mức vay: 46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;

Thời hạn duy trì hạn mức: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;

Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;

Mục đích vay: Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;

Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm:
Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;
Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023;

Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 30.090.000.000 VND.
Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 6.120.000.000 VND.

(8) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 40318/20/HĐTD ngày 24/11/2022;

Hạn mức vay: Hạn mức cho vay không vượt quá 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó:
+ Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND;
+ Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND;

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ ngắn hạn;
36 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ dài hạn;

Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;

Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;

Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2024: Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2024: 1.312.000.000 VND.
Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 1.312.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	191.100.000.000	39.069.510.820	146.633.992.552	376.803.503.372
Lãi trong năm trước	-	-	50.965.911.792	50.965.911.792
Chia cổ tức	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	4.024.423.065	(4.024.423.065)	-
Hoàn nhập Quỹ khen thưởng phúc lợi do trích thừa	-	-	1.006.105.766	1.006.105.766
Số dư tại ngày 31/12/2023	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
Số dư tại ngày 01/01/2024	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
Tăng vốn trong năm (i)	8.900.000.000	-	-	8.900.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	52.007.234.190	52.007.234.190
Chia cổ tức (i)	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.548.295.590	(2.548.295.590)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(7.644.886.769)	(7.644.886.769)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	(1.528.977.354)	(1.528.977.354)
Số dư tại ngày 31/12/2024	200.000.000.000	45.642.229.475	158.426.661.522	404.068.890.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Tổng Công ty tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2024/ĐHĐCĐ ngày 01/3/2024, Nghị quyết số 13/2024/HĐQT ngày 05/4/2024 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng Công ty. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 890.000 cổ phiếu, giá phát hành 10.000 VND/ cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ tăng thêm 8.900.000.000 VND, ngày hoàn thành đợt phát hành: ngày 20/6/2024. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu được sử dụng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Trong năm, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2024 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế	: 2.548.295.590
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 15% lợi nhuận sau thuế	: 7.644.886.769
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	: 1.528.977.354
• Chia cổ tức: 20% lợi nhuận sau thuế	: 38.220.000.000

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	25,20%	5.040.000	50.400.000.000	26,37%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	24,39%	4.878.706	48.787.060.000	25,53%	4.878.706	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	8,47%	1.694.720	16.947.200.000	8,82%	1.684.720	16.847.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,10%	1.420.000	14.200.000.000	7,43%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	34,83%	6.966.574	69.665.740.000	31,85%	6.086.574	60.865.740.000
Tổng	100%	20.000.000	200.000.000.000	100%	19.110.000	191.100.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	191.100.000.000	191.100.000.000
Vốn góp tăng trong năm	8.900.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	200.000.000.000	191.100.000.000
Cổ tức đã chia	38.220.000.000	38.220.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	19.110.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	20.000.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	19.110.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	19.110.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu</i>		

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	45.642.229.475	43.093.933.885
Tổng	45.642.229.475	43.093.933.885

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

a) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Các đối tượng khác	8.700.488.682	5.422.598.682
Tổng	15.324.048.442	12.046.158.442

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
USD	947.144,95	821.301,49
EUR	170.635,27	10.277,49

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.836.360.982.425	2.344.184.087.032
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.594.776.545	39.832.383.978
Tổng	2.897.955.758.970	2.384.016.471.010
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan</i>	<i>224.835.574.320</i>	<i>255.866.080.614</i>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	2.934.171.828	3.143.312.040
Hàng bán bị trả lại	2.256.278.367	4.488.438.074
Tổng	5.190.450.195	7.631.750.114

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.831.170.532.230	2.336.552.336.918
Doanh thu cung cấp dịch vụ	61.594.776.545	39.832.383.978
Tổng	2.892.765.308.775	2.376.384.720.896

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	2.329.887.448.500	1.926.747.185.829
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.198.330.597	6.374.292.503
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.335.218.039	-
Tổng	2.342.420.997.136	1.933.121.478.332

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	6.666.254.499	7.030.007.587
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.703.720.000	20.021.482.278
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	36.563.828.428	33.311.456.000
Tổng	57.933.802.927	60.362.945.865

Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)

13.999.350.000 **18.230.100.000**

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	47.436.130.769	46.995.895.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	24.833.001.624	26.391.921.669
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	2.960.393.457	10.707.518.410
Chiết khấu thanh toán	176.752.993	1.442.082.843
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	945.661.537
Tổng	75.406.278.843	86.483.079.888

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	37.243.989.406	33.568.328.874
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.672.293.509	4.233.897.718
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	366.724.336	363.307.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.604.518.020	2.883.367.771
Thuế, phí, lệ phí	73.810.637	43.035.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.416.608.206	116.571.590.569
- Chi phí hoa hồng	58.504.285.388	25.538.625.019
- Chi phí xuất khẩu	76.333.692.679	26.540.928.555
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho	13.400.430.106	10.536.462.783
- Chi phí quảng cáo	8.724.254.390	4.309.695.090
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	15.453.945.643	49.645.879.122
Chi phí bằng tiền khác	12.048.386.805	12.185.580.918
Tổng	229.426.330.919	169.849.108.520

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	147.855.916.448	117.565.429.700
Chi phí vật liệu quản lý	8.219.091.327	9.431.095.991
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.753.154.283	1.339.536.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.165.561.261	12.977.025.228
Thuế phí và lệ phí	2.240.647.435	3.039.105.897
Chi phí dự phòng	93.774.291	477.057.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.408.189.178	36.047.197.730
Chi phí bằng tiền khác	24.466.159.569	17.264.107.047
Tổng	239.202.493.792	198.140.555.144

6.9 Lợi nhuận khác

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập khác	8.093.825.698	11.042.872.691
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	336.351.124	718.789.812
Thu nhập do xử lý công nợ	12.255.326	1.579.203
Thu nhập khác	7.745.219.248	10.322.503.676
Tổng	8.093.825.698	11.042.872.691
Trong đó,		
Thu nhập khác với bên liên quan	597.735.000	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)		
Chi phí khác	7.965.100.063	172.339.084
Các khoản phạt	7.941.084.162	8.953.659
Chi phí khác	24.015.901	163.385.425
Tổng	7.965.100.063	172.339.084
Lợi nhuận thuần khác	128.725.635	10.870.533.607

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.322.391.635.158	995.572.153.855
Chi phí nhân công	476.242.353.955	409.245.064.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.164.587.519	36.053.156.515
Chi phí dự phòng	1.428.992.330	477.057.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.001.027.546.254	694.657.972.989
Chi phí khác bằng tiền	36.996.007.475	34.955.378.714
Tổng	2.877.251.122.691	2.170.960.784.229

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.371.736.647	60.023.978.484
Các khoản điều chỉnh tăng	19.925.574.454	5.983.928.689
- Chi phí không được trừ	11.482.361.620	3.058.705.286
- Chi phí khấu hao vượt định mức	502.128.672	502.128.672
- Các khoản phạt	7.941.084.162	8.953.659
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	-	2.414.141.072
Các khoản điều chỉnh giảm	(22.474.798.814)	(20.717.573.711)
- Thu nhập từ nhận cổ tức	(14.703.720.000)	(20.021.482.278)
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của năm trước được chuyển sang năm nay	(2.414.141.072)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	(5.356.937.742)	(696.091.433)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	61.822.512.287	45.290.333.462
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.364.502.457	9.058.066.692

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 về việc thông qua việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng, theo đó các nội dung chính như sau:

Tổ chức phát hành: Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần;

Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền; 100% khối lượng trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau 24 tháng kể từ ngày phát hành; Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 05 cổ phần phổ thông)

Tổng giá trị phát hành: 180.000.000.000 VND (Một trăm tám mươi tỷ đồng), tương ứng với 1.800.000 Trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/ Trái phiếu;

Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái phiếu theo quy định;

Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Thanh toán nợ vay cho các Ngân hàng TMCP;

Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm kể từ ngày phát hành;

Lãi suất: 5%/ năm;

Đến thời điểm phát hành Báo cáo, Tổng Công ty đã có Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 05/3/2025 thông qua việc triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11/2025/NQ-HĐQT ngày 05/3/2025 thông qua hồ sơ phát hành trái phiếu chuyển đổi.

7.3 Thông tin các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	612.000.000	636.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	216.000.000	216.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	7.457.108.185	6.083.518.533
Tổng		8.285.108.185	6.935.518.533

b. Giao dịch mua với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ gia công	56.528.670.065	102.924.334.935
		Thuê máy	2.027.850.000	2.420.750.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Dịch vụ gia công	11.426.437.801	5.017.602.500
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	17.578.562.969	13.881.952.244
		Hàng hóa, dịch vụ khác	154.885.554	206.683.449
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Dịch vụ gia công	127.536.800.849	83.052.465.964
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.611.111.108	1.610.101.008
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Dịch vụ gia công	118.876.763.087	62.399.916.876
		Hàng hóa, dịch vụ khác	139.972.500	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	904.313.314	93.175.370
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển	45.854.787.936	28.959.994.789
		Hàng hóa, dịch vụ khác	-	4.629.586.414
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	24.209.996.086	11.129.417.271



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch mua với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	64.282.498.557	56.056.394.133
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	83.883.640.720	48.397.862.145
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	53.718.725.117	36.124.020.206
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	37.520.475.451	59.321.081.983
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Thiết bị, công cụ dụng cụ	10.067.272.350	3.534.065.209
		Hàng hóa, dịch vụ khác	6.046.000	33.208.111
Tổng			656.328.809.464	519.792.612.607

c. Giao dịch bán với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ khác	36.618.000	3.684.936
		Tiền thuê nhà	523.793.648	317.148.216
		Điện, ăn, nước, thuê máy	6.709.158	12.111.952
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	10.096.273	752.267.459
		Hàng hóa, dịch vụ khác	7.615.732.187	5.664.485.295
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	40.664.841.759	34.993.231.724
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1.227.471.249	475.198.056
		Tiền thuê nhà	13.527.408	63.514.796
		Hàng hóa, dịch vụ khác	740.532.570	25.683.602
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	50.680.000	42.420.000
		Tiền thuê nhà	-	8.540.000
		Dịch vụ gia công	88.188.000.090	127.940.007.687
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.181.417.576	1.146.025.500

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch bán với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	3.421.091
		Tiền thuê nhà	52.012.128	72.865.000
		Hàng hóa, dịch vụ khác	394.004.929	1.067.234.934
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	1.800.000.000	1.500.000.000
		Tiền thuê nhà	-	300.000.000
		Hàng hóa, dịch vụ khác	-	41.363.652
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ -Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	810.053.642	283.477.697
		Quần áo, nguyên phụ liệu	134.926.667	52.116.818
		Tiền thuê nhà	530.178.647	534.695.744
		Chi phí xuất nhập khẩu	2.671.670.308	1.163.231.452
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.112.030.133	2.355.034.735
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	23.981.450	22.208.372
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.278.908.479	1.820.434.400
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	10.096.240
		Điện, ăn, nước, thuê máy	171.672.798	134.009.079
		Tiền thuê nhà	6.136.425	8.401.896
		Hàng hóa, dịch vụ khác	66.505.934	19.463.074
		Quần áo, nguyên phụ liệu	1.906.324.401	370.221.912
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	340.808.910	55.621.414
		Tiền thuê nhà	-	11.560.000
		Hàng hóa, dịch vụ khác	173.865.504	144.226.231
		Quần áo, nguyên phụ liệu	70.422.908.615	73.446.513.614
		Điện, ăn, nước, thuê máy	685.608.963	633.809.432
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Tiền thuê nhà	341.167.792	116.677.994
		Hàng hóa, dịch vụ khác	480.525.174	(232.009.123)

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch bán với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	3.500.000	6.071.083
		Điện, ăn, nước, thuê máy	14.572.750	57.323.440
		Hàng hóa, dịch vụ khác	141.731.747	28.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	95.619.805	51.377.891
		Tiền thuê nhà	713.561.448	299.839.632
		Quần áo, nguyên phụ liệu	1.490.741	659.091
		Hàng hóa, dịch vụ khác	202.387.012	43.814.596
Tổng			224.835.574.320	255.866.080.614

d. Giao dịch khác với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức được chia			13.999.350.000	18.230.100.000
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Cổ tức	6.375.000.000	6.375.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Cổ tức	3.570.000.000	3.927.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	1.224.000.000	1.530.000.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Cổ tức	-	1.796.310.000
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Cổ tức	-	872.640.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Cổ tức	1.836.000.000	1.836.000.000
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết	Cổ tức	514.350.000	514.350.000
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Cổ tức	-	1.228.800.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Cổ tức	480.000.000	150.000.000
Thu nhập khác			597.735.000	-
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Bán tài sản	597.735.000	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.3 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**e. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		151.459.873.065	129.571.072.401
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	261.671.632	30.355.596
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	6.663.230.349	6.041.349.386
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	7.325.767.909	37.449.474.753
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	43.916.617.653	16.735.392.170
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	8.751.000.000	6.807.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	-	911.296.980
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết	1.149.113.344	489.656.369
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	49.904.226.874	27.688.804.348
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	84.178.988	12.394.523
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	14.036.000	14.036.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	32.750.303.316	32.751.585.276

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**e. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		63.629.616.592	69.038.208.944
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	-	2.201.297.279
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	-	168.892.206
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	15.286.209.168	14.957.667.236
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	-	712.161.906
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.266.040.521	14.486.040.524
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	15.998.976	15.095.808
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết	1.000.000.000	1.680.637.546
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	-	916.360.718
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	24.989.510.833	26.259.359.027
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	6.999.994.988	6.212.197.453
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	71.862.106	71.862.106
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	-	1.000.060.000
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	-	356.577.135
<u>Phải thu khác dài hạn</u>		25.530.555.553	25.530.555.553
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	830.555.553	830.555.553
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	12.700.000.000	12.700.000.000
<u>Trả trước người bán ngắn hạn</u>		81.532.219.787	88.867.458.376
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	59.049.087.473	63.340.523.665
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	15.649.233.733	16.592.838.171
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	5.899.802.041	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	934.096.540	934.096.540

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCPSố 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.5 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**e. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		53.430.094.811	63.738.333.262
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	6.189.464.331	886.486.156
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	-	2.092.323.777
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	3.936.453.524	8.804.289.268
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	8.564.698.109	9.070.392.855
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	-	9.029.407.048
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	17.843.292.304	20.148.418.233
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	-	6.448.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	9.342.674.309	8.103.521.083
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	1.888.426.943	3.753.743.808
Công ty Cổ phần NBC Logistics (Tên trước đây: Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	Công ty liên kết	3.924.894.331	11.428.636
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	-	1.269.848.194
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết	-	304.429
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	1.734.690.960	556.221.775
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		3.749.031.871	6.898.884.489
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	3.749.031.871	4.274.858.382
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	-	626.228.685
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	-	1.997.797.422
<u>Doanh thu chưa thực hiện</u>		3.121.290.664	3.218.559.076
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	3.121.290.664	3.218.559.076

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

CPA